

Bản án số: 73/2024/HS-ST
Ngày: 30 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Điều.

Ông Trương Văn Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Lập - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2024/TLST - HS, ngày 22 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST – HS, ngày 16 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Văn C, sinh ngày 01/02/1985.

Nơi ĐKKHKT: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Chỗ ở hiện tại: Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn lớp 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con bà Lê Thị Đ, sinh năm 1954 (đã chết), H và tên cha: Không xác định; Anh chị em ruột: Không có; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 11 tháng 9 năm 2024 cho đến nay. (bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Người giám hộ cho bị cáo: Bà Lê Thị K, sinh năm 1961. (xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn C: Ông Nguyễn Hoàng V là Luật sư - Công ty L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T. (có mặt)

- Bị hại:

1. Bà Võ Thị Bé B, sinh năm 1968. (xin xét xử vắng mặt)

2. Bà Lê Hồng T, sinh năm 1996. (xin xét xử vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Tiền Ngọc T1, sinh năm 1990. (xin xét xử vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
- *Người làm chứng:* Bà Phan Thị Thu H1, sinh năm 1989. (xin xét xử vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 03 tháng 7 năm 2024 bị cáo Lê Văn C đi bộ vào cửa sau nhà bà Võ Thị Bé B sinh năm 1968, nơi thường trú ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh cửa nhà không khóa (là mẹ ruột của Lê Hồng T), bị cáo C vào trong nhà lấy nước trong tủ lạnh uống, sau khi uống xong do không thấy có ai ở nhà, nên bị cáo C nảy sinh ý định tìm kiếm tài sản để lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài cá nhân và trả tiền nợ. Sau đó, bị cáo C1 đi tìm kiếm tài sản nhưng không thấy có gì để lấy, bị cáo C đi đến mở cửa phòng ngủ của bà B và T rồi đi vào (cửa phòng đóng nhưng không khóa), khi đi vào trong phòng bị cáo C nhìn thấy một cái tủ bằng kim loại (loại tủ quần áo có hai cánh) đặt ở góc bên phải phòng (từ ngoài nhìn vào). Bị cáo C đi đến dùng tay kéo cánh cửa tủ bên trái ra, trong tủ có 03 ngăn chứa nhiều đồ đạc, bị cáo C nhìn phía dưới thấy có một hộp tủ được khóa lại, bị cáo C dùng tay phải kéo hộp tủ ra thì có khe hở, bị cáo C dùng tay trái giữ hộp tủ lại, tay phải đưa vào bên trong tìm kiếm tài sản, phát hiện một cái hộp nhỏ, bị cáo C lấy hộp và mở ra phát hiện bên trong có hai sợi dây chuyền vàng, bị cáo C lấy hai sợi dây chuyền rồi bỏ cái hộp xuống nền gạch cập chân tủ. Sau khi lấy được hai sợi dây chuyền vàng, bị cáo C bỏ một sợi dây chuyền vào túi quần trước bên phải, một sợi dây chuyền bị cáo C cầm trên tay phải đi ra ngoài đóng cửa phòng lại và đi khỏi nhà. Sau đó bị cáo C đi bộ theo đường đất ra lộ đal, khi đi đến vườn dừa của ông Nguyễn Vĩnh T2, sinh năm 1958, nơi thường trú ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh (cách nhà bà B khoảng 200 mét), bị cáo C gặp ông Tiền Ngọc T1, sinh năm 1990, nơi thường trú ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh đang hái dừa, thấy bị cáo C cầm sợi dây chuyền trên tay, ông T1 hỏi bị cáo C “*đi đâu vậy*”, bị cáo C trả lời “*đi bán vàng*” ông T1 kêu bị cáo C đưa vàng cho ông T1 xem, lúc này bị cáo C đưa sợi dây chuyền đang cầm trên tay cho ông T1 xem, ông T1 hỏi “*vàng này của ai mà đem bán*” bị cáo C nói “*của bà ngoại cho*”, do nghi ngờ sợi dây chuyền này là bị cáo C lấy trộm của người khác, nên ông T1 quyết định hỏi bị cáo C bán sợi dây chuyền bao nhiêu tiền để ông T1 đưa tiền cho bị cáo C (*ông T1 nhằm mục đích giữ lại sợi dây chuyền trình báo Công an*). Sau đó ông T1 hỏi bị cáo C bán bao nhiêu thì bị cáo C nói bán 500.000 đồng. Do ông T1 chỉ có 300.000 đồng nên ông T1 hỏi mượn bà Phan Thị Thu H1, sinh năm 1989, nơi thường trú ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh là người đi hái dừa chung với ông T1 số tiền 200.000 đồng, sau đó ông T1 đưa cho bị cáo C số tiền 500.000 đồng để giữ lại sợi dây chuyền. Sau khi bán được sợi dây chuyền bị cáo C đi ra chợ N trả tiền cho người đàn ông bán cá 200.000 đồng (bị cáo C thiếu trước đó), số tiền còn lại bị cáo C tiêu xài cá nhân. Lúc này ông T1 gọi điện thoại trình báo Công an xã Đ và giao nộp lại sợi

dây chuyền cho cơ quan Công an. Nhận được tin báo, Công an xã Đ mời bị cáo Lê Văn C làm việc và tạm giữ 01 sợi dây chuyền bị cáo C vừa trộm được và số tiền 90.000 đồng. Tại cơ quan Công an Lê Văn C thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản.

Tại bản cáo trạng số: 60/CT-VKS-HS, ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long truy tố bị cáo Lê Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lê Văn C, hoàn toàn thống nhất với nội dung bản cáo trạng của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh và thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Vào ngày 03 tháng 7 năm 2024 tại nhà bà Võ Thị Bé B sinh năm 1968, nơi thương trú ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo có hành vi lén lút đi vào phòng ngủ của bà Võ Thị Bé B và chị Lê Hồng T rồi lấy trộm 02 sợi dây chuyền vàng (01 sợi dây chuyền vàng 24 kara và 01 sợi dây chuyền vàng 18 kara) sau đó đi ra khỏi nhà, qua kết quả định giá tài sản có tổng giá trị là 46.918.000 đồng. Bị cáo làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng hình phạt cho bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm q, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn C từ 15 (mười lăm) tháng tù đến 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 11/9/2024.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại bà Võ Thị Bé B và bà Lê Hồng T không yêu cầu bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự, chỉ yêu cầu nhận lại tài sản đã bị chiếm đoạt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tiền Ngọc T1 không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 500.000 đồng do bị hại bà Võ Thị Bé B đã trả cho ông T1 xong số tiền 500.000 đồng và bị hại bà Võ Thị Bé B cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 500.000 đồng nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị xử lý:

- Trả lại cho bà Võ Thị B1 Bảy : 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có chiều dài 49 cm, trên sợi dây chuyền có khắc chữ “TRAG” và “970” (khối lượng còn lại sau giám định là 14,9971 gam); Tiền Việt Nam đồng 90.000 đồng và 01 hộp nhựa màu đỏ, hình tròn, kích thước 2,5cm x 5cm bên trong có một mảnh vật xốp màu trắng.

- Trả lại cho bà Lê Hồng T: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có chiều dài 51 cm (khối lượng còn lại sau giám định là 15,0951 gam). Ngoài ra vì còn đề nghị buộc bị cáo Lê Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quan điểm của Vị bào chữa cho bị cáo Lê Văn C: Vị hoàn toàn thống nhất bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long về hành vi và tội danh áp dụng đối với bị cáo Lê Văn C. Tuy nhiên Vị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo với các tình tiết: Sau khi phạm tội bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã được thu hồi, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị

cáo bị hạn chế năng lực hành vi về nhận thức và điều khiển hành vi, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn không được quan tâm từ gia đình, am hiểu pháp luật hạn chế. Đề nghị áp dụng điểm q, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

Qua quan điểm của V1 đại diện Viện kiểm sát. Người bào chữa và Bị cáo có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo Lê Văn C xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa V1 đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự. Việc vắng mặt tại phiên tòa của bị hại bà Võ Thị Bé B, bà Lê Hồng T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tiền Ngọc T1 và người làm chứng bà Phan Thị Thu H1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292; Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn C là nguy hiểm cho xã hội; Bởi vì, tài sản của công dân do quá trình lao động tích lũy mới có được. Bị cáo Lê Văn C là người có đủ sức khỏe lao động tạo ra nguồn thu nhập, phục vụ nhu cầu cuộc sống bản thân, nhưng bị cáo không lo chí thú làm ăn, lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút nhằm chiếm đoạt tài sản của người bị hại cụ thể vào ngày 03 tháng 7 năm 2024 tại nhà bà Võ Thị Bé B, bị cáo có hành vi lén lút đi vào phòng ngủ của bà Võ Thị Bé B và chị Lê Hồng T lấy trộm 02 sợi dây chuyền vàng, qua kết quả định giá tài sản có tổng giá trị là 46.918.000 đồng làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương.

[3]. Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hiết hại tài sản đã xảy ra, tài sản đã được thu hồi, nhưng bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra, bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng xuất phát từ tham lam, tư lợi, để có tiền tiêu xài cá nhân đã dẫn bị cáo phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn C thể hiện ý thức rất xem thường pháp luật, thuộc thành phần khó cải tạo, đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương mà còn gây hoang mang trong đời sống của quần chúng nhân dân.

[4]. Tình hình trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C, tỉnh Trà Vinh thời gian gần đây xảy ra liên tục..., gây bức xúc trong nhân dân. Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần lên cho bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét: Sau khi phạm tội bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã được thu hồi, bị cáo hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, am hiểu pháp luật hạn chế, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm q, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Do đó ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo Lê Văn C tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Đối với ông Tiền Ngọc T1: Là người đã đưa cho bị cáo C số tiền 500.000 đồng để giữ lại sợi dây chuyền, bị cáo C lấy trộm được của bị hại Võ Thị Bé B và trình báo Công an xã Đ, huyện C khi đưa tiền cho bị cáo C để giữ lại sợi dây chuyền, ông T1 chỉ nghi ngờ bị cáo C lấy trộm sợi dây chuyền của người khác, đồng thời mục đích T1 giữ lại sợi dây chuyền là để trình báo và giao nộp lại sợi dây chuyền vàng để Công an xác minh làm rõ, không nhằm mục đích để chiếm đoạt, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện C không xử lý.

[6]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đồng thời thống nhất với biên bản khám nghiệm hiện trường. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp.

[7]. Lời nhận tội của bị cáo Lê Văn C tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh thu thập có được.

Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long quyết định truy tố bị cáo Lê Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp với qui định của pháp luật, đúng người, đúng tội.

[8]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại bà Võ Thị Bé B và bà Lê Hồng T không yêu cầu bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự, chỉ yêu cầu nhận lại tài sản đã bị chiếm đoạt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tiền Ngọc T1 không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 500.000 đồng do bị hại Võ Thị Bé B đã trả cho ông T1 xong số tiền 500.000 đồng và bị hại bà Võ Thị Bé B cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 500.000 đồng nên không xem xét.

[9]. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Trả lại cho bà Võ Thị B1 Bấy : 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có chiều dài 49 cm, trên sợi dây chuyền có khắc chữ “TRAG” và “970” (khối lượng còn lại sau giám định là 14,9971 gam); Tiền Việt Nam đồng 90.000 đồng và

01 hộp nhựa màu đỏ, hình tròn, kích thước 2,5cm x 5cm bên trong có một mảnh vật xốp màu trắng.

- Trả lại cho bà Lê Hồng T: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có chiều dài 51 cm (khối lượng còn lại sau giám định là 15,0951 gam).

[10]. Về án phí: Bị cáo Lê Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ vào các Điều 45, 260, 268, 269, 299 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 173; điểm q, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn C 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 11 tháng 9 năm 2024.

2. **Về trách nhiệm bồi thường dân sự:** Căn cứ vào Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: Bị hại bà Võ Thị Bé B và bà Lê Hồng T không yêu cầu bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự, chỉ yêu cầu nhận lại tài sản đã bị chiếm đoạt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

3. **Về vật chứng:** Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Giao trả cho bà Võ Thị B1 Bảy : 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có chiều dài 49 cm, trên sợi dây chuyền có khắc chữ “TRAG” và “970” (khối lượng còn lại sau giám định là 14,9971 gam); Tiền Việt Nam đồng 90.000 đồng và 01 hộp nhựa màu đỏ, hình tròn, kích thước 2,5cm x 5cm bên trong có một mảnh vật xốp màu trắng.

- Giao trả cho bà Lê Hồng T: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có chiều dài 51 cm (khối lượng còn lại sau giám định là 15,0951 gam).

4. **Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Buộc bị cáo Lê Văn C phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, có mặt tại phiên tòa được biết, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày án sơ thẩm tuyên. Riêng bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã N1 cư trú.

(Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- Công an huyện Càng Long;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Hoàng Vân